| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ BIÊN HÒA**<br>**TỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 1701/2019/QĐST-VHNGĐ | *Biên Hòa, ngày 15 tháng 10 năm 2019* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

## TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ khoản 2 Điều 396; khoản 4 Điều 397; khoản 2 Điều 149; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 2277/2019/TLST-VHNGĐ, ngày 07/10/2019 về việc "yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung, chia tài sản khi ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*:

+ Anh Lâm Hoàng T, sinh năm 1989

Địa chỉ: 7C, khu phố 2, phường D, thành phố B, tỉnh N.

+ Chị Trần Thị H, sinh năm 1988

Địa chỉ: E165/51, khu phố 6, phường N, thành phố D, tỉnh B.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lâm Hoàng T và chị Trần Thị H tự nguyện kết hôn với nhau, có làm thủ tục đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân phường D, thành phố B, tỉnh N cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 07/6/2014 nên căn cứ Điều 9, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Anh Lâm Hoàng T và chị Trần Thị H xác định vợ chồng có mâu thuẫn, không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Trong quá trình chung sống anh T, chị H có 01 con chung là cháu Lâm Hoàng Gia T1, sinh ngày 29/10/2015. Anh T và chị H thỏa thuận giao cháu T1 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về lệ phí: Anh Lâm Hoàng T và chị Trần Thị H phải nộp 300.000đ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000786 ngày 07/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

[6] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 07 tháng 10 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lâm Hoàng T, sinh nam 1989 và chị Trần Thị H, sinh năm 1988 thuận tình ly hôn với nhau.

- Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị anh Lâm Hoàng T và chị Trần Thị H giao cháu Lâm Hoàng Gia T1, sinh ngày 29/10/2015 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Tcấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật đến khi con chung trưởng thành và có khả năng lao động.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản anh T thực hiện quyền này. Trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền xin thay đổi vị trí nuôi con, cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, chị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh T không cấp dưỡng nuôi con số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Anh Lâm Hoàng T và chị Trần Thị H phải nộp 300.000đ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng lệ phí

đã nộp theo Biên lai thu số 0000786 ngày 07/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS Tp.Biên Hòa;
- UBND nơi ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Hải Thị Liễu**